

KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH
NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

**ĐỀ TÀI: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG
CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỐ
ĐỊNH CỦA CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU
TƯ VÀ XÂY DỰNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

LỜI NÓI ĐẦU

Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các Doanh nghiệp phải tự trang bị cho mình một hệ thống cơ sở vật chất tương ứng với ngành nghề kinh doanh mà mình đã lựa chọn. Điều này đòi hỏi các Doanh nghiệp phải có một số tiền ứng trước để mua sắm. Lượng tiền ứng trước đó gọi là vốn kinh doanh trong đó chiếm chủ yếu là vốn cố định.

Nhất là trong sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường hiện nay, các Doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển được thì bằng mọi cách phải sử dụng đồng vốn có hiệu quả ? Do vậy đòi hỏi các nhà quản lý Doanh nghiệp phải tìm ra các phương sách nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nói chung và hiệu quả sử dụng vốn cố định nói riêng.

Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng là một đơn vị có quy mô và lượng vốn cố định tương đối lớn. Hiện nay tài sản cố định của Công ty đã và đang được đổi mới. Do vậy việc Quản lý sử dụng chặt chẽ và có hiệu quả vốn cố định của Công ty là một trong những yêu cầu lớn nhằm tăng năng suất lao động thu được lợi nhuận cao đảm bảo trang trải cho mọi chi phí và có lãi.

Xuất phát từ lý do trên và với mong muốn trở thành nhà quản lý trong tương lai; trong thời gian thực tập tại Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng được sự hướng dẫn giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo TS - Đỗ Hoàng Toàn cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng, em đã chọn đề tài: ***“Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng”*** cho chuyên đề thực tập của mình.

Kết cấu của chuyên đề gồm những phần chính sau:

Phần I: Vốn cố định và hiệu quả sử dụng vốn cố định của Doanh nghiệp.

Phần II: Thực trạng sử dụng vốn cố định của Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng .

Phần III: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng

Là công trình nghiên cứu đầu tay, do điều kiện hạn chế về thời gian và tài liệu nên khó tránh khỏi có sai sót, khiếm khuyết. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để nội dung nghiên cứu vấn đề này được hoàn thiện hơn.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến:

Thầy giáo, Tiến sĩ Đỗ Hoàng Toàn, Cán bộ công nhân viên Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề này.

PHẦN I

VỐN CỐ ĐỊNH VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỐ ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP

I- TẦM QUAN TRỌNG CỦA VỐN CỐ ĐỊNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP.

1-/ Khái niệm, đặc điểm và nguồn hình thành vốn cố định trong Doanh nghiệp

1.1. Khái niệm vốn cố định.

Theo quy định hiện hành của Việt Nam thì "Vốn cố định là biểu hiện bằng tiền của tài sản cố định, hay vốn cố định là toàn bộ giá trị bỏ ra để đầu tư vào tài sản cố định nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh.

Trong nền kinh tế hàng hoá - tiền tệ để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, một trong những yếu tố của quá trình kinh doanh đòi hỏi các Doanh nghiệp phải có một số tiền ứng trước. Vốn tiền tệ được ứng trước để mua sắm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được gọi là vốn cố định. Do vậy, đặc điểm vận động của tài sản cố định sẽ quyết định sự vận động tuần hoàn của vốn cố định.

Tài sản cố định là những tư liệu lao động chủ yếu. Chúng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào nhiều chu kỳ của quá trình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Tài sản cố định không thay đổi hình thái vật chất ban đầu trong suốt thời gian sử dụng, cho đến lúc hư hỏng hoàn toàn. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hao mòn dần, phần giá trị hao mòn sẽ chuyển dần vào giá trị mới tạo ra của sản phẩm và được bù đắp lại bằng tiền khi sản phẩm được tiêu thụ. Tài sản cố định cũng là một loại hàng hoá có giá trị sử dụng và giá trị. Nó là sản phẩm của lao động và được mua bán, trao đổi trên thị trường sản xuất. Giữa tài sản cố định và vốn cố định có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Tài sản cố định là hình thái biểu hiện vật chất của vốn cố định. Do vậy, vốn cố định của Doanh nghiệp có đặc điểm tương tự như tài sản cố định. Như thế sau nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh phần vốn cố định giảm dần và phần vốn đã luân chuyển tăng lên. Kết thúc quá trình này, số tiền khấu hao đã thu hồi đủ để tái tạo một tài sản mới. Lúc này tài sản cố định cũng hư hỏng hoàn toàn cùng với vốn cố định đã kết thúc một vòng tuần hoàn luân chuyển. Do đó, có thể nói vốn cố định là biểu hiện số tiền ứng trước về những tài sản cố định mà chúng có đặc điểm dần từng phần trong chu kỳ sản xuất và kết thúc một vòng tuần hoàn khi tài sản cố định hết thời hạn sử dụng.

1.2. Phân loại tài sản cố định:

Việc quản lý vốn cố định là công việc phức tạp và khó khăn, nhất là ở các Doanh nghiệp có tỷ trọng vốn cố định lớn, có phương tiện kỹ thuật tiên tiến. Trong thực tế tài sản cố định sắp xếp phân loại theo những tiêu thức khác nhau nhằm phục vụ công tác quản lý, bảo dưỡng tài sản, đánh giá hiệu quả sử dụng từng loại, từng nhóm tài sản.

1.2.1 Phân loại theo hình thái biểu hiện gồm:

1.1.1.(1) Tài sản cố định hữu hình:

Khái niệm: Tài sản cố định hữu hình là những tư liệu lao động chủ yếu có tính chất vật chất (từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận từng tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định), có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị....

Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình (theo Quyết định 166/1999/QĐ-BTC).

Là mọi tư liệu lao động, là từng tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả hai tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là một tài sản cố định:

1- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên

2- Có giá trị từ 5.000.000 đồng trở lên

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện chức năng hoạt động chính của nó mà do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Các loại tài sản cố định hữu hình:

1, Nhà cửa, vật kiến trúc: là tài sản cố định của Doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng....

2, Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

3, Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các phương tiện, thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải...

4, Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt.

5, Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảo cỏ, thảo cây xanh... súc vật làm việc và hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, trâu bò...

6, Các loại tài sản cố định khác: là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào 5 loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật...

Đánh giá tài sản cố định theo nguyên giá:

Là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra để có tài sản cố định hữu hình cho tới khi đưa tài sản cố định đi vào hoạt động bình thường như giá mua thực tế của tài sản cố định các chi phí vận chuyển bốc dỡ, chi phí lắp đặt, chạy thử, lãi tiền vay đầu tư cho tài sản cố định khi chưa bàn giao và đưa tài sản cố định vào sử dụng; thuế và lệ phí trước bạ (nếu có)...

Đối với tài sản cố định loại đầu tư xây dựng thì nguyên giá là giá thực tế của công trình xây dựng (cả tự làm và thuê ngoài) theo quy định tại điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có). Đối với tài sản cố định là súc vật làm việc và hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế, hợp lý, hợp lệ đã chi ra cho con súc vật, mảnh vườn cây từ lúc hình thành cho tới khi đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định tại điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có).

Đối với tài sản cố định loại được cấp, được điều chuyển đến... thì nguyên giá tài sản cố định loại được cấp, điều chuyển đến bao gồm: giá trị còn lại trên sổ

kết toán của tài sản cố định ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển... hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của hội đồng giao nhận, các chi phí tân trang; chi phí sửa chữa, chi phí vận chuyển bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có)... mà bên nhận tài sản phải chi ra trước khi đưa tài sản cố định vào sử dụng.

Riêng nguyên giá tài sản cố định điều chuyển giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong Doanh nghiệp là nguyên giá phản ánh ở đơn vị bị điều chuyển phù hợp với bộ hồ sơ của tài sản cố định đó. Đơn vị nhận tài sản cố định căn cứ vào nguyên giá, số khấu hao lũy kế, giá trị còn lại trên sổ kế toán và bộ hồ sơ của tài sản cố định đó để xác định các chỉ tiêu nguyên giá, số khấu hao lũy kế, giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định và phản ánh vào sổ kế toán. Các chi phí có liên quan đến việc điều chuyển tài khoản giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc không hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định mà hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Đối với tài sản cố định loại được cho, được biếu, được tặng, nhận góp vốn liên doanh, nhận lại vốn góp do phát hiện thừa thì nguyên giá bao gồm: giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận; các chi phí tân trang, sửa chữa tài sản cố định; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có)... mà bên nhận phải chi ra trước khi đưa tài sản cố định vào sử dụng.

1.2.1(2) Tài sản cố định vô hình.

Khái niệm: Tài sản cố định vô hình là những tài sản cố định không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của Doanh nghiệp như chi phí thành lập Doanh nghiệp, chi phí về đất sử dụng, chi phí về bằng phát minh, sáng chế, bản quyền tác giả, mua bản quyền tác giả, nhận chuyển giao công nghệ...

Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình (Theo Q/định 166/1999 BTC)

Mọi khoản chi phí thực tế mà Doanh nghiệp đã chi ra có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp nếu thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- 1- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên
- 2- Có giá trị từ 5000.000 đồng trở lên, thì được coi là tài sản cố định và nếu không hình thành tài sản cố định vô hình thì được coi là tài sản cố định vô hình

Nếu khoản chi phí này không đồng thời thoả mãn cả 2 tiêu chuẩn nêu trên thì được hạch toán thẳng hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của Doanh nghiệp.

Các loại tài sản cố định vô hình và nguyên giá của chúng:

1, *Chi phí về đất sử dụng:* là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất (gồm cả tiền thuê đất hay tiền sử dụng đất trả 1 lần, nếu có; chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng; san lấp mặt bằng, nếu có; lệ phí trước bạ (nếu có)... nhưng không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất). Trường hợp Doanh nghiệp trả tiền thuê đất hàng năm hoặc định kỳ nhiều năm thì các chi phí này được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong (các) kỳ, không hạch toán vào nguyên giá tài sản cố định.

2, *Chi phí thành lập Doanh nghiệp*

Là các chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ và cần thiết đã được những người tham gia thành lập Doanh nghiệp chi ra có liên quan trực tiếp tới việc chuẩn bị khai sinh ra Doanh nghiệp bao gồm các chi phí cho công tác nghiên cứu, thăm dò... lập dự án đầu tư thành lập Doanh nghiệp; chi phí thẩm định dự án, hợp thành lập... nếu các chi phí này được những người tham gia thành lập Doanh

nghiệp xem xét, đồng ý coi như một phần vốn góp của mỗi người và được ghi trong vốn điều lệ của Doanh nghiệp.

3, *Chi phí nghiên cứu phát triển.*

Là toàn bộ các chi phí thực tế Doanh nghiệp đã chi ra để thực hiện các công việc nghiên cứu, thăm dò, xây dựng các kế hoạch đầu tư dài hạn... nhằm đem lại lợi ích lâu dài cho Doanh nghiệp.

4, *Chi phí về bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả, mua bản quyền tác giả, nhận chuyển giao công nghệ...* là toàn bộ các chi phí thực tế Doanh nghiệp chi ra cho các công trình nghiên cứu (bao gồm cả chi phí cho sản xuất thử nghiệm, chi cho công tác kiểm nghiệm, nghiệm thu của Nhà nước) được Nhà nước cấp bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả, bản quyền nhãn hiệu, chi cho việc nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức và các cá nhân... mà các chi phí này có tác dụng phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

5, *Chi phí về lợi thế kinh doanh.*

Là khoản chi cho phần chênh lệch Doanh nghiệp phải trả thêm (chênh lệch phải trả thêm = giá mua - giá trị của các tài sản theo đánh giá thực tế). Ngoài giá trị của các tài sản theo đánh giá thực tế (tài sản cố định, tài sản lưu động), khi Doanh nghiệp đi mua, nhận sáp nhập, hợp nhất một Doanh nghiệp khác. Lợi thế này được hình thành bởi ưu thế về vị trí kinh doanh, về danh tiếng, và uy tín với bạn hàng, về trình độ tay nghề của đội ngũ người lao động, về tài điều hành và tổ chức của Ban quản lý Doanh nghiệp đó...

Trên thực tế phần vốn đầu tư cho tài sản cố định vô hình trong tổng số đầu tư của Doanh nghiệp có chiều hướng gia tăng. Nhưng việc đánh giá các tài sản bất động vô hình rất phức tạp. Tài sản cố định hữu hình có thể tham khảo giá cả trên thị trường của chúng một cách tương đối khách quan, trong khi đó đối

với tài sản cố định vô hình thường khó khăn hơn và mang nhiều tính chủ quan. Số lượng các tài sản cố định vô hình không khấu hao cũng rất lớn.

Như vậy cách phân loại này có thể cho ta thấy một cách tổng quát các hình thái của tài sản cố định, từ đó có những bp, phương thức quản lý thích hợp.

1.2.2. Phân loại tài sản cố định theo tình hình sử dụng gồm:

1.2.2 (1) Tài sản cố định đang sử dụng

Đây là những tài sản đang trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm. Trong Doanh nghiệp, tỷ trọng tài sản cố định đã đưa vào sử dụng so với toàn bộ tài sản cố định hiện có càng lớn thì hiệu quả sử dụng tài sản cố định càng cao.

1.2.2 (2) Tài sản cố định chưa sử dụng.

Đây là những tài sản Doanh nghiệp do những nguyên nhân chủ quan, khách quan chưa thể đưa vào sử dụng như: tài sản dự trữ, tài sản mua sắm, xây dựng thiết kế chưa đồng bộ, tài sản trong giai đoạn lắp ráp, chạy thử...

1.2.2 (3) Tài sản cố định không cần dùng chờ thanh toán

Đây là những tài sản đã hư hỏng, không sử dụng được hoặc còn sử dụng được nhưng lạc hậu về mặt kỹ thuật, đang chờ đợi để giải quyết. Như vậy có thể thấy rằng cách phân loại này giúp người quản lý tổng quát tình hình và tài năng sử dụng tài sản, thực trạng về tài sản cố định trong Doanh nghiệp.

1.2.3. Phân loại tài sản cố định theo tính chất, công dụng kinh tế.

1.2.3 (1) Tài sản cố định dùng cho mục đích kinh doanh: là những tài sản cố định do Doanh nghiệp sử dụng nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình.

1.2.3 (2) Tài sản cố định dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp an ninh quốc phòng: là những tài sản cố định do Doanh nghiệp quản lý sử dụng cho các mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng trong Doanh nghiệp.

1.2.3 (3) Tài sản cố định bảo quản hộ, gửi hộ, cất giữ hộ Nhà nước: là những tài sản cố định Doanh nghiệp bảo quản, giữ hộ cho các đơn vị khác hoặc cất giữ hộ Nhà nước theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Nói chung tùy theo yêu cầu quản lý của từng Doanh nghiệp, Doanh nghiệp tự phân loại chi tiết hơn các tài sản cố định của Doanh nghiệp theo từng nhóm cho phù hợp.

1.2.4. Phân loại tài sản cố định theo quyền sở hữu:

Cách phân loại này giúp người sử dụng tài sản cố định phân biệt tài sản cố định nào thuộc quyền sở hữu của đơn vị mình trích khấu hao, tài sản cố định nào đi thuê ngoài không tính trích khấu hao nhưng phải có trách nhiệm thanh toán tiền đi thuê và hoàn trả đầy đủ khi kết thúc hợp đồng thuê giữa 2 bên.

Tài sản cố định sẽ được phân ra là:

1.2.4 (1) Tài sản cố định tự có:

Là những tài sản cố định được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự có, tự bổ sung, nguồn do Nhà nước đi vay, do liên doanh, liên kết.

1.2.4 (2) Tài sản cố định đi thuê:

Trong loại này bao gồm 2 loại:

Tài sản cố định thuê hoạt động: tài sản cố định này được thuê tính theo thời gian sử dụng hoặc khối lượng công việc không đủ điều kiện và không mang tính chất thuê vốn.

Tài sản cố định thuê tài chính: đây là hình thức thuê vốn dài hạn, phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động toàn bộ tài sản cố định đi thuê tài chính của đơn vị.

Cách phân loại giúp đơn vị sử dụng có thông tin về cơ cấu, từ đó tính và phân bổ chính xác số khấu hao cho các đối tượng sử dụng, giúp cho công tác hạch toán tài sản cố định biết được hiệu quả sử dụng. đối với những tài sản cố định

chờ xử lý phải có những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định.

1.2.5. Phân loại tài sản cố định theo nguồn hình thành gồm:

1.2.5 (1) Tài sản cố định mua sắm, xây dựng bằng vốn được cấp

1.2.5 (2) Tài sản cố định mua sắm, xây dựng bằng vốn đi vay

1.2.5 (3) Tài sản cố định mua sắm, xây dựng bằng vốn tự bổ sung của đơn vị.

1.2.5 (4) Tài sản cố định nhận góp liên doanh, liên kết từ các đơn vị tham gia.

1.2.6. Phân loại tài sản cố định theo cách khác.

Toàn bộ tài sản cố định được phân thành các loại sau:

1.2.6 (1) Tài sản cố định cố định tài chính: là các khoản đầu tư dài hạn, đầu tư vào chứng khoán và các giấy tờ có giá trị khác. Các loại tài sản này được Doanh nghiệp mua và giữ lâu dài nhằm mục đích thu hút và các mục đích khác như chiếm ưu thế quản lý, hoặc đảm bảo an toàn cho Doanh nghiệp.

1.2.6 (2) Tài sản cố định phi tài chính: bao gồm các tài sản cố định cố định khác phục vụ cho lợi ích của Doanh nghiệp nhưng không được chuyển nhượng trên thị trường tài chính.

Trong nền kinh tế thị trường để thuận lợi cho việc hạch toán người ta thường phân loại tài sản cố định theo hình thái biểu hiện kết hợp với tính chất đầu tư. Theo cách phân loại này, tài sản cố định của Doanh nghiệp được chia làm 4 loại sau:

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định tài chính

1.3. Đánh giá tài sản cố định

Ngoài việc phân loại tài sản cố định phân tích kết cấu, đánh giá tài sản cố định, là một công việc hết sức quan trọng. Thực chất, việc đánh giá tài sản cố định là việc xác định giá trị ghi sổ của tài sản. Tài sản cố định được đánh giá ban đầu và có thể đánh giá lại trong quá trình sử dụng. Trong mọi trường hợp, tài sản cố định phải được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại. Do vậy, việc ghi sổ phải đảm bảo phản ánh được cả 3 chỉ tiêu về giá trị tài sản cố định là nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

Giá trị còn lại = Nguyên giá - Giá trị hao mòn

Tuy nhiên, tùy theo từng loại tài sản cố định cụ thể từng cách thức hình thành, nguyên giá của tài sản cố định sẽ được xác định khác nhau.

1.3 (1) Đánh giá tài sản cố định theo nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc xây dựng, mua sắm tài sản cố định kể cả chi phí vận chuyển lắp đặt, chạy thử trước khi dùng. Tương ứng với mỗi loại được hình thành từ những nguồn khác nhau ta có thể xác định được nguyên giá của chúng như đã đề cập đến trong phần 1.2.1.1 và 1.2.1.2

Tuy nhiên giá tài sản cố định phản ánh thực tế số vốn đã bỏ ra để mua sắm hoặc xây dựng tài sản cố định, là cơ sở để tính khấu hao và lập bảng cân đối tài sản cố định. Những hạn chế của nó là ở chỗ: không phản ánh được trạng thái kỹ thuật của tài sản cố định. Mặt khác giá ban đầu này thường xuyên biến động nên định kỳ phát triển phải tiến hành kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định theo mặt bằng giá cả thị trường.

1.3 (2) Đánh giá tài sản cố định theo giá trị còn lại.

Giá trị còn lại của tài sản cố định thể hiện giá trị tài sản cố định hiện có của Doanh nghiệp. Việc đánh giá tài sản cố định theo giá trị còn lại thực chất là xác định chính xác, hợp lý số vốn còn phải tiếp tục thu hồi trong quá trình sử

dụng tài sản cố định để đảm bảo vốn đầu tư cho việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Giá trị còn lại của tài sản cố định được xác định dựa trên cơ sở nguyên giá và giá trị hao mòn.

1.3 (3) Đánh giá lại tài sản cố định.

Ngoài việc đánh giá của tài sản cố định, lần đầu như đã nêu trên, do tiến bộ khoa học kỹ thuật, do sự biến động về giá cả nên tài sản cố định cũng được đánh giá lại. Giá trị đánh giá lại (giá trị khôi phục của tài sản cố định) được xác định trên cơ sở nguyên giá tài sản cố định ở thời điểm hệ số trượt giá và hao mòn vô hình (nếu có) cụ thể:

$$NGL = NGO \times HT + HMOVH$$

NGL : Giá trị đánh giá lại

NGO : Giá trị đánh giá lần đầu

HT : Hệ số trượt giá

HMOVH : Hệ số hao mòn vô hình

Tất nhiên quá trình đánh giá lại tài sản cố định trên đây chỉ áp dụng đối với tài sản cố định của Doanh nghiệp. Khi đó, giá trị còn lại của tài sản cố định sau khi đánh giá lại được xác định trên cơ sở giá trị đánh giá lại và hệ số hao mòn của tài sản cố định đó:

$$GcL = NGL \times (1 - \frac{MkH}{NGO})$$

Với GcL là giá trị còn lại của tài sản cố định sau khi đánh giá lại

MkH là mức khấu hao lũy kế của tài sản cố định đến thời điểm đánh giá lại.

1.4 Nguồn hình thành vốn cố định.

Đầu tư vào tài sản cố định là một sự bỏ vốn dài hạn nhằm hình thành và bổ sung những tài sản cố định cần thiết để thực hiện mục tiêu kinh doanh lâu dài của Doanh nghiệp. Do đó việc xác định nguồn tài trợ cho những khoản mục đầu tư như vậy là rất quan trọng bởi vì nó có yếu tố quyết định cho việc quản

lý và sử dụng vốn cố định sau này. Về đại thể thì người ta có thể chia ra làm 2 loại nguồn tài trợ chính.

Nguồn tài trợ bên trong: là những nguồn xuất phát từ bản thân Doanh nghiệp như vốn ban đầu, lợi nhuận để lại... hay nói khác đi là những nguồn thuộc sở hữu của Doanh nghiệp.

Nguồn tài trợ bên ngoài: là những nguồn mà Doanh nghiệp huy động từ bên ngoài để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của mình như vốn vay, phát hành trái phiếu, cổ phiếu, thuê mua, thuê hoạt động.

Tuy nhiên, để làm rõ tính chất này cũng như đặc điểm của từng nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và chế độ quản lý thích hợp tài sản cố định, người ta thường chia các nguồn vốn như sau:

1.4 (1) Nguồn vốn bên trong Doanh nghiệp:

Vốn do Ngân sách Nhà nước cấp

Vốn do Ngân sách Nhà nước cấp được cấp phát cho các Doanh nghiệp Nhà nước. Ngân sách chỉ cấp một bộ phận vốn ban đầu khi các Doanh nghiệp này mới bắt đầu hoạt động. Trong quá trình kinh doanh, Doanh nghiệp phải bảo toàn vốn do Nhà nước cấp. Ngoài ra các Doanh nghiệp thuộc mọi tầng lớp, thành phần kinh tế cũng có thể chọn được nguồn tài trợ từ phía Nhà nước trong một số trường hợp cần thiết, những khoản tài trợ này thường không lớn và cũng không phải thường xuyên do đó trong một vài trường hợp hết sức khó khăn, Doanh nghiệp mới tìm đến nguồn tài trợ này. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng xem xét trợ cấp cho các Doanh nghiệp nằm trong danh mục ưu tiên. Hình thức hỗ trợ có thể được diễn ra dưới dạng cấp vốn bằng tiền, bằng tài sản, hoặc ưu tiên giảm thuế, miễn phí...

Vốn tự có của Doanh nghiệp:

Đối với các Doanh nghiệp mới hình thành, vốn tự có là vốn do các Doanh nghiệp, chủ Doanh nghiệp, chủ đầu tư bỏ ra để đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Số vốn tự có nếu là vốn dùng để đầu tư thì phải đạt được một tỷ lệ bắt buộc trong tổng vốn đầu tư và nếu là vốn tự có của Công ty, Doanh nghiệp tư nhân thì không được thấp hơn vốn pháp định.

Những Doanh nghiệp đã đi vào hoạt động, vốn tự có còn được hình thành từ một phần lợi nhuận bổ sung, để mở rộng hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Thực tế cho thấy từ tài trợ bằng nguồn vốn nội bộ là một con đường tốt. Rất nhiều Công ty coi trọng chính sách tái đầu tư từ số lợi nhuận để lại đủ lớn nhằm tự đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng tăng. Tuy nhiên với các Công ty cổ phần thì việc để lại lợi nhuận có liên quan đến một số khía cạnh khá nhạy cảm. Bởi khi Công ty để lại lợi nhuận trong năm cho tái đầu tư tức là không dùng số lợi nhuận đó để chia lãi cổ phần. Các cổ đông không được nhận tiền lãi cổ phần nhưng bù lại họ có quyền sở hữu số vốn tăng lên của Công ty. Tuy nhiên, nó dễ gây ra sự kém hấp dẫn của cổ phiếu do cổ đông chỉ được nhận một phần nhỏ cổ phiếu và do đó giá cổ phiếu có thể bị giảm sút.

Vốn cổ phần

Nguồn vốn này hình thành do những người sáng lập Công ty cổ phần phát hành cổ phiếu và bán những cổ phiếu này trên thị trường mà có được nguồn vốn nhất định. Trong quá trình hoạt động, nhằm tăng thực lực của Doanh nghiệp, các nhà lãnh đạo có thể sẽ tăng lượng cổ phiếu phát hành trên thị trường thu hút lượng tiền nhàn rỗi phục vụ cho mục tiêu kinh doanh. Đặc biệt để tài trợ cho các dự án đầu tư dài hạn, thì nguồn vốn cổ phần rất quan trọng. Nó có thể kêu gọi vốn đầu tư với khối lượng lớn, mặt khác, nó cũng khá linh hoạt trong việc trao đổi trên thị trường vốn. Tận dụng các cơ hội đầu tư để được cả hai giá là người đầu tư và Doanh nghiệp phát hành chấp nhận. Tuy

nhiên, việc phát hành cổ phiếu thêm trong quá trình hoạt động đòi hỏi các nhà quản lý tài chính phải cực kỳ thận trọng và tỷ mỉ trong việc đánh giá các nhân tố có liên quan như: uy tín của Công ty, lãi suất thị trường, mức lạm phát, tỷ lệ cổ tức, tình hình tài chính Công ty gần đây. Để đưa ra thời điểm phát hành tối ưu nhất, có lợi nhất trong Công ty.

1.4 (2) Nguồn vốn bên ngoài của Doanh nghiệp.

Vốn vay

Mỗi Doanh nghiệp dưới các hình thức khác nhau tùy theo quy định của luật pháp mà có thể vay vốn từ các đối tượng sau: Nhà nước, Ngân hàng, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, dân cư trong và ngoài nước dưới các hình thức như tín dụng ngân hàng, tín dụng thương mại, vốn chiếm dụng, phát hành các loại chứng khoán của Doanh nghiệp với các kỳ hạn khác nhau. Nguồn vốn huy động này chủ yếu phụ thuộc vào các yếu tố sau: hiệu quả kinh doanh, khả năng trả nợ, lãi suất vay, số lượng vốn đầu tư có. Tỷ lệ lãi vay càng cao sẽ tạo điều khoản cho phía Doanh nghiệp huy động vốn càng nhiều nhưng lại ảnh hưởng đến lợi tức cùng với khả năng thanh toán vốn vay và lãi suất tiền đi vay.

Vốn liên doanh

Nguồn vốn này hình thành bởi sự góp vốn giữa các Doanh nghiệp hoặc chủ Doanh nghiệp ở trong nước và nước ngoài để hình thành một Doanh nghiệp mới. Mức độ vốn góp giữa các Doanh nghiệp với nhau tùy thuộc vào thoả thuận giữa các bên tham gia liên doanh.

Tài trợ bằng thuê (thuê vốn)

Các Doanh nghiệp muốn sử dụng thiết bị và kiến trúc hơn là muốn mang danh làm chủ sở hữu thì có thể sử dụng thiết bị bằng cách thuê mượn hay còn gọi là thuê vốn.

Thuê mượn có nhiều hình thức mà quan trọng nhất là hình thức bán rồi thuê lại, thuê dịch vụ, thuê tài chính.

1. Bán rồi thuê lại (Sale and baseback)

Theo phương thức này, một Doanh nghiệp sở hữu chủ đất đai kiến trúc và thiết bị bán tài sản lại cho cơ quan tín dụng và đồng thời ký một thoả ước thuê lại các tài sản trên trong một thời hạn nào đó. Nếu là đất đai hay kiến trúc, cơ quan tín dụng thường là một Công ty bảo hiểm. Nếu tài sản là máy móc, thiết bị người cho thuê có thể là một Ngân hàng thương mại, một Công ty bảo hiểm hay một Công ty chuyên cho thuê mượn. Lúc này người bán (hay người thuê) nhận ngay được một số vốn do việc bán lại tài sản từ người cho thuê. Đồng thời người bán và người thuê cùng duy trì việc sử dụng tài sản trên trong suốt thời hạn thuê mượn.

2. Thuê dịch vụ

Thuê dịch vụ bao gồm cả việc tài trợ và bảo trì. Một đặc tính quan trọng của thuê dịch vụ là tiền thuê theo kế ước không đủ để hoàn trả toàn thể trị giá của thiết bị. Đương nhiên là thời gian cho thuê rất ngắn so với đời sống thiết bị và người cho thuê kỳ vọng thu hồi với giá cả bằng các kế ước cho thuê khác hay khi bán đất thiết bị. Thuê dịch vụ đòi hỏi người cho thuê bảo trì các thiết bị và phí tổng bảo trì được gộp trong giá thuê dịch vụ. Mặt khác có kế ước dịch vụ thường có điều khoản cho người thuê chấm dứt thuê mượn trước ngày hết hạn kế ước. Đây là điểm rất quan trọng đối với người thuê giúp họ có thể hoàn trả thiết bị nếu sự phát triển cao làm cho thiết bị trở nên lạc lậu.

3. Thuê tài chính.

Đây là loại thuê không có cung cấp dịch vụ bảo trì, không thể chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được hoàn trả toàn bộ trị giá thiết bị. Người cho thuê

có thể là Công ty bảo hiểm, Ngân hàng thương mại, hoặc Công ty chuyên cho thuê mướn.

Người đi thuê thường được quyền lựa chọn tiếp tục thuê mướn với giá giảm bớt hoặc mua lại sau khi hết hạn hợp đồng.

2-/ Tầm quan trọng của vốn cố định đối với Doanh nghiệp.

Về mặt giá trị bằng tiền vốn cố định phản ánh tiềm lực của Doanh nghiệp. Còn về mặt hiện vật, vốn cố định thể hiện vai trò của mình qua tài sản cố định.

Tài sản cố định là những tư liệu lao động chủ yếu tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Nó gắn liền với Doanh nghiệp trong suốt quá trình tồn tại. Doanh nghiệp có tài sản cố định có thể không lớn về mặt giá trị nhưng tầm quan trọng của nó lại không nhỏ chút nào.

Trước hết tài sản cố định phản ánh mặt bằng cơ sở hạ tầng của Doanh nghiệp, phản ánh quy mô của Doanh nghiệp có tương xứng hay không với đặc điểm loại hình kinh doanh mà nó tiến hành.

Thứ hai, tài sản cố định luôn mang tính quyết định đối với quá trình sản xuất hàng hoá của Doanh nghiệp. Do đặc điểm luân chuyển của mình qua mỗi chu kỳ sản xuất, tài sản cố định tồn tại trong một thời gian dài và nó tạo ra tính ổn định trong chu kỳ kinh doanh của Doanh nghiệp cả về sản lượng và chất lượng.

Thứ ba, trong nền kinh tế thị trường, khi mà nhu cầu tiêu dùng được nâng cao thì cũng tương ứng với tiến trình cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt hơn. Điều này đòi hỏi các Doanh nghiệp phải làm sao để tăng năng suất lao động, tạo ra được những sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, nhằm chiếm lĩnh thị trường. Sự đầu tư không đúng mức đối với tài sản cố định cũng như việc

đánh giá thấp tầm quan trọng của tài sản cố định để đem lại những khó khăn sau cho Doanh nghiệp:

Tài sản cố định có thể không đủ tối tân để cạnh tranh với các Doanh nghiệp khác cả về chất lượng và giá thành sản phẩm. Điều này có thể dẫn các Doanh nghiệp đến bờ vực phá sản nếu lượng vốn của nó không đủ để cải tạo đổi mới tài sản.

Sự thiếu hụt các khả năng sản xuất sẽ giúp các đối thủ cạnh tranh giành mất một phần thị trường của Doanh nghiệp và điều này buộc Doanh nghiệp khi muốn giành lại thị trường khách hàng đã mất phải tốn kém nhiều về chi phí tiếp thị hay phải hạ giá thành sản phẩm hoặc cả hai biện pháp.

Thứ ba, tài sản cố định còn lại một công cụ huy động vốn khá hữu hiệu:

Đối với vốn vay Ngân hàng thì tài sản cố định được coi là điều kiện khá quan trọng bởi nó đóng vai trò là vật thế chấp cho món tiền vay. Trên cơ sở trị giá của tài sản thế chấp Ngân hàng mới có quyết định cho vay hay không và cho vay với số lượng là bao nhiêu.

Đối Công ty cổ phần thì độ lớn của Công ty phụ thuộc vào giá tài sản cố định mà Công ty nắm giữ. Do vậy trong quá trình huy động vốn cho Doanh nghiệp bằng cách phát hành trái phiếu hay cổ phiếu, mức độ tin cậy của các nhà đầu tư chịu ảnh hưởng khá lớn từ lượng tài sản mà Công ty hiện có và hàm lượng công nghệ có trong tài sản cố định của Công ty.

3-/ Nội dung công tác quản lý sử dụng vốn cố định.

Quản lý việc sử dụng vốn cố định là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý Doanh nghiệp. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, sự vận động của vốn cố định gắn liền với hình thái vật chất của nó. Vì vậy để quản lý sử dụng có hiệu quả vốn cố định có một số hình thức quản lý sau:

3.1. Hao mòn và khấu hao tài sản cố định:

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định có thể bị hao mòn dưới hai hình thức: Hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình.

Hao mòn hữu hình: là sự hao mòn về mặt vật chất tức là tổn thất dần về mặt chất lượng và tính năng kỹ thuật của tài sản cố định cuối cùng tài sản cố định đó không sử dụng được nữa và phải thanh lý. Thực chất về mặt kinh tế của hao mòn hữu hình là giá trị của tài sản cố định giảm dần và giá trị của nó được chuyển dần vào sản phẩm được sản xuất ra. Trường hợp tài sản cố định không sử dụng được, hao mòn hữu hình biểu hiện ở chỗ tài sản cố định mất dần thuộc tính do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên hay quá trình hoá học xảy ra bên trong cũng như việc trông nom, bảo quản tài sản cố định không được chu đáo.

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến hao mòn hữu hình của tài sản cố định, có thể chia thành 3 nhóm sau:

Nhóm những nhân tố thuộc về chất lượng chế tạo như: vật liệu dùng để sản xuất ra tài sản cố định, trình độ và công nghệ chế tạo, chất lượng xây dựng, lắp ráp.

Nhóm những nhân tố thuộc về quá trình sử dụng như mức độ đảm nhận về thời gian và cường độ sử dụng, trình độ tay nghề của công nhân viên, việc chấp hành quy tắc, quy trình công nghệ, chế độ bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa....

Nhóm những nhân tố ảnh hưởng của tự nhiên như độ ẩm, không khí, thời tiết...

Hao mòn vô hình có 3 hình thức.

Tài sản cố định bị giảm giá trị do năng suất lao động xã hội tăng lên, người ta sản xuất ra các loại tài sản cố định mới sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng như cũ nhưng có giá thành hạ hơn.

Tài sản cố định bị giảm giá trị do sản xuất được loại tài sản cố định khác hoàn thiện hơn về mặt kỹ thuật.

Tài sản cố định bị giảm giá trị do sản phẩm của nó làm ra bị lỗi thời.

Như vậy hao mòn vô hình là do tiến bộ khoa học kỹ thuật gây ra.

Khấu hao tài sản cố định : tài sản cố định được sử dụng trong nhiều chu kỳ sản xuất, giá trị của nó hao mòn dần và được dịch chuyển từng phần và giá trị của sản phẩm làm ra. Phần giá trị này được thu hồi lại dưới hình thức khấu hao, được hạch toán vào giá thành sản phẩm để hình thành quỹ khấu hao đáp ứng nhu cầu sửa chữa lớn, khắc phục, cải tạo, đổi mới, hoặc mở rộng tài sản cố định.

Khấu hao là sự bù đắp về mặt kinh tế hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình. Khấu hao có ý nghĩa quan trọng đối với bảo toàn và phát triển vốn, kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện khấu hao đúng đủ giá trị thực tế tài sản cố định không những phản ánh đúng thực chất của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn đảm bảo quỹ khấu hao, duy trì được số vốn bỏ ra.

Có hai hình thức khấu hao là khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn. Trong quá trình khấu hao, tiến trình khấu hao biểu thị phần giá trị của tài sản cố định đã chuyển vào sản phẩm sản xuất ra trong kỳ. Do phương thức bù đắp và mục đích khác nhau nên tiền trích khấu hao tài sản cố định được chia thành 2 bộ phận:

Tiền trích khấu hao cơ bản: dùng để bù đắp tài sản cố định sau khi bị đào thải vì mất giá trị sử dụng. Nếu là Doanh nghiệp Nhà nước, Doanh nghiệp trích một phần tiêu hao này vào Ngân sách Nhà nước, phần còn lại bổ sung vào quỹ phát triển sản xuất theo hướng cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Các Doanh

nghiệp thuộc loại hình thức khác lập quỹ khấu hao cơ bản để duy trì hoạt động của Doanh nghiệp và thực hiện yêu cầu tái sản xuất mở rộng.

Tiền khấu hao sửa chữa lớn: dùng để sửa chữa tài sản cố định một cách có kế hoạch và có hệ thống nhằm duy trì khả năng sản xuất của tài sản cố định trong suốt thời gian sử dụng. Doanh nghiệp tính một phần tiền khấu hao sửa chữa lớn gửi vào một tài khoản riêng ở Ngân hàng để dùng làm nguồn vốn cho kế hoạch sửa chữa tài sản cố định.

Tỷ lệ khấu hao là tỷ lệ phần trăm giữa tiền trích khấu hao hàng năm so với nguyên giá tài sản cố định. Tỷ lệ này có tính chung cho cả hai loại khấu hao hoặc cho từng loại. Việc xác định tỷ lệ khấu hao quá thấp sẽ không bù đắp được hao mòn thực tế của tài sản cố định, Doanh nghiệp không bảo toàn được vốn cố định, còn nếu tỷ lệ khấu hao quá cao yêu cầu cho bảo toàn vốn được áp dụng, song nó sẽ làm tăng giá thành một cách giả tạo ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

Theo chế độ hiện hành, muốn đổi mới thiết bị, tài sản cố định Doanh nghiệp phải tích lũy trong một thời gian dài tùy loại tài sản cố định. Sau thời gian này, khấu hao của Doanh nghiệp thường bị giảm tương ứng so với sự mất giá của đồng tiền và Doanh nghiệp sẽ không đủ khả năng để tái đầu tư tài sản cố định. Mặt khác phương pháp khấu hao đường thẳng hiện nay (khấu hao theo tỷ lệ % cố định trong suốt thời gian sử dụng tài sản cố định) chưa tạo điều kiện cho Doanh nghiệp thu hồi vốn, đổi mới thiết bị và ứng dụng kỹ thuật mới vào giá thành kinh doanh. Một lý do khác quan nữa là giá trị tài sản cố định không được điều chỉnh kịp thời, cho phù hợp với mặt bằng giá hàng năm nên giá trị tài sản cố định tính khấu hao rất thấp so với giá hiện hành.

Sửa chữa chế độ quản lý tài sản cố định và quản lý khấu hao tài sản cố định cho phù hợp với điều kiện cách mạng khoa học, kỹ thuật diễn ra sâu rộng, giá

thị trường biến động, chu kỳ sống của sản phẩm... phải cải tiến chế độ khấu hao như sau: quy định chế độ điều chỉnh nguyên giá tài sản cố định, tính khấu hao theo hệ số trượt giá, chia tài sản cố định theo nhóm nghiên cứu và ban hành nhiều phương pháp và công thức tính khấu hao cho phù hợp với từng đặc điểm của từng máy móc, thiết bị nhằm đẩy nhanh tốc độ thu hồi vốn, phục vụ kịp thời nhu cầu đổi mới, công nghệ. Đẩy nhanh tốc độ khấu hao sẽ làm giảm tương ứng lợi nhuận của Doanh nghiệp song xét về mục đích lâu dài đây là con đường đúng đắn nhất để bảo toàn và phát triển vốn cố định.

Nhà nước nên có chế độ quản lý quỹ khấu hao theo nguồn vốn đầu tư và theo yêu cầu hiện đại hoá máy móc thiết bị, tài sản cố định. Không để vốn khấu hao sử dụng sai mục đích. Mặt khác Doanh nghiệp cần quản lý khấu hao để lại cho mình như các quỹ tiền tệ. Hàng năm, Doanh nghiệp cần có trách nhiệm bảo toàn vốn theo hệ số trượt giá v.v...

3.2. Lập kế hoạch khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao tài sản cố định là một bộ phận quan trọng của kế hoạch tài chính. Kế hoạch khấu hao tài sản cố định phản ánh các chỉ tiêu giá trị về tài sản cố định như: Tổng giá trị tài sản cố định có đầu kỳ, tình hình tăng giảm tài sản cố định trong năm kế hoạch, xác định tổng giá trị bình quân tài sản cố định cần tính khấu hao, mức khấu hao trong năm và tình hình phân phối quỹ khấu hao.

Trong khi lập quỹ khấu hao cần xác định rõ:

Đối với tài sản cố định đã trích khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng được Doanh nghiệp vẫn tiếp tục tính khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn theo tỷ lệ nguyên giá và hạch toán vào giá thành nhưng không hạch toán giảm vốn cố định.

Tài sản chưa khấu hao mà đã hư hỏng, Doanh nghiệp cần nộp vào Ngân sách số tiền chưa khấu hao hết và phân bổ vào khoản lỗ cho đến khi nộp đủ. Kế hoạch khấu hao tài sản cố định bao gồm:

Tài sản cố định không phải tính khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn như đất đai.

Tài sản cố định tăng thêm trong năm kế hoạch, nếu tăng vào một ngày nào đó của tháng thì tháng sau mới tính khấu hao.

Tài sản cố định giảm trong năm kế hoạch, nếu giảm bớt từ ngày nào đó trong tháng thì tháng sau không phải tính khấu hao.

Công thức

Giá trị bình quân tài sản cố định tăng (giảm) trong năm kế hoạch = Giá trị b/quân TSCĐ tăng (giảm) trong năm x

Số tháng sẽ sử dụng (không sử dụng) TSCĐ 12 Tổng giá trị bình quân tài sản cố định phải tính khấu hao trong năm kế hoạch được xác định theo công thức:

Tổng giá trị TSCĐ phải tính khấu hao trong kỳ = Tổng giá trị TSCĐ có đầu kỳ + Tổng giá trị b/quân TSCĐ tăng trong kỳ - Tổng giá trị b/quân TSCĐ giảm trong kỳ Trên cơ sở cách tính các chỉ tiêu, hàng năm vào đầu kỳ, Doanh nghiệp lập kế hoạch khấu hao tài sản cố định, biến động giá... Làm cơ sở cho việc xác định mức khấu hao đúng. Kế hoạch khấu hao tài sản cố định được xem là một biện pháp quan trọng để quản lý sử dụng vốn cố định - viên phương được nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định.

3.3. Bảo toàn và phát triển vốn cố định.

Để đảm bảo cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì và phát triển, một trong nhiều yếu tố trong đó là phải bảo tồn và phát triển được vốn

cổ định. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường không tách khỏi những biến động về giá cả, lạm phát.

Xu thế này thường có chiều hướng gia tăng làm cho sức mua của đồng tiền và giá trị của tiền vốn giảm xuống so với thực tế. Mặt khác do sự lỏng lẻo quản lý dẫn đến hiện tượng hư hỏng, mất mát tài sản cố định trước thời hạn. Cả hai nguyên nhân này đều làm cho giá trị của đồng vốn giảm tương đối so với thực tế và giảm tuyệt đối so với thời gian sử dụng vốn.

Theo quy định của Nhà nước, các Doanh nghiệp Nhà nước có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn cố định cả về mặt hiện vật và giá trị.

Bảo toàn về mặt hiện vật không có nghĩa là Nhà nước bắt buộc Doanh nghiệp phải giữ nguyên hình thái vật chất của tài sản cố định hiện có khi giao vốn mà là bảo toàn năng lực sản xuất của tài sản cố định. Cụ thể, trong quá trình sử dụng tài sản cố định vào sản xuất kinh doanh, Doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ không làm hư hỏng, mất mát tài sản cố định, thực hiện đúng quy chế sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa nhằm làm cho tài sản cố định không hư hỏng trước thời gian, duy trì nâng cao năng lực hoạt động của tài sản cố định. Doanh nghiệp có quyền chủ động thực hiện đổi mới, thay thế tài sản cố định theo yêu cầu đổi mới công nghệ, phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định.

Bảo toàn về mặt giá trị có nghĩa là trong điều kiện có biến động lớn về giá cả, các Doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về điều chỉnh nguyên giá tài sản cố định theo hệ số tính lại được cơ quan có thẩm quyền công bố nhằm bảo toàn vốn cố định. Đồng thời phải sử dụng đúng mục đích và có sự kiểm tra của Nhà nước đối với việc sử dụng vốn thu hồi về thanh lý nhượng bán tài sản cố định.

Nội dung của chế độ bảo toàn và phát triển vốn cố định bao gồm:

Các Doanh nghiệp xác định đúng nguyên giá tài sản cố định trên cơ sở tính đúng, tính đủ khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn để tạo nguồn thay thế và duy trì năng lực sản xuất của tài sản cố định bảo toàn vốn cố định.

Hàng năm, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ công bố hệ số điều chỉnh giá trị tài sản cố định vào thời điểm 1/1 và 1/7 phù hợp với đặc điểm cơ cấu hình thành tài sản cố định của từng ngành kinh tế - kỹ thuật làm căn cứ thống nhất để các Doanh nghiệp điều chỉnh giá trị tài sản cố định, vốn cố định.

Ngoài việc bảo toàn vốn cố định trên cơ sở hệ số trượt giá phải bảo toàn về vốn cố định, còn cả vốn Ngân sách cấp thêm hoặc Doanh nghiệp tự bổ sung trong kỳ (nếu có)

Số vốn cố định phải bảo toàn đến cuối kỳ của Doanh nghiệp được xác định theo công thức

Số vốn cố định phải bảo toàn = Số vốn được giao đầu kỳ (hoặc số vốn phải bảo toàn đến cuối kỳ) - Khấu hao cơ bản tính trong kỳ x Hệ số điều chỉnh giá trị TSCĐ - Tăng (giảm) vốn trong kỳ

Ngoài trách nhiệm bảo toàn vốn, các Doanh nghiệp có trách nhiệm phát triển vốn cố định trên cơ sở khuyến khích phát triển sản xuất trích từ lợi nhuận để lại của xí nghiệp và phần vốn khấu hao cơ bản để lại đầu tư tái sản xuất mở rộng tài sản cố định.

II-/ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỐ ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP.

1-/ Khái niệm về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh doanh.

Hiệu quả là khái niệm dùng để chỉ mối quan hệ giữa kết quả thực hiện các mục tiêu hoạt động của chủ thể và chi phí mà chủ thể bỏ ra để có kết quả đó trong những điều kiện nhất định.

Hiệu quả kinh doanh: Còn gọi là hiệu quả Doanh nghiệp, là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng nguồn lực của Doanh nghiệp để đạt được

kết quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh với chi phí thấp nhất. Hiệu quả kinh doanh phản ánh mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế mà Doanh nghiệp nhận được và chi phí mà Doanh nghiệp bỏ ra để có được lợi ích kinh tế. Ta thấy.

Hiệu quả kinh doanh = kết quả đầu ra - Yếu tố đầu vào (hiệu quả tuyệt đối)

Hoặc

Hiệu quả kinh doanh = (Yếu tố đầu vào; Kết quả đầu ra) _ (Hiệu quả tương đối)

Một cách chung, kết quả đầu ra mà chủ thể nhận được theo hướng mục tiêu kinh doanh càng lớn hơn đầu vào (chi phí bỏ ra) bao nhiêu thì càng có lợi bấy nhiêu.

2-/ Hiệu quả sử dụng vốn cố định.

Như đã nói: tài sản cố định là hình thái vật chất của vốn cố định. Do đó khi đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định người ta thường xem xét thông qua hiệu quả sử dụng tài sản cố định.

Xuất phát từ việc coi tài sản cố định là một yếu tố đầu vào của Doanh nghiệp ta sẽ tiến hành đánh giá bằng việc so sánh nó với các kết quả thu được trong chu kỳ kinh doanh.

Có những chỉ tiêu biểu đạt hiệu quả sử dụng tài sản cố định (vốn cố định) như sau:

Chỉ tiêu 1: Sức sản xuất của tài sản cố định.

Công thức tính:

Sức sản xuất của TSCĐ = $\frac{\text{Tổng doanh thu năm}}{\text{Nguyên giá TSCĐ sử dụng b/quân năm}}$

ý nghĩa: chỉ tiêu này phản ánh một đồng giá trị bình quân TSCĐ bỏ ra kinh doanh đem lại bao nhiêu đồng doanh thu.

Chỉ tiêu 2: Suất hao phí của tài sản cố định.

Công thức tính:

Suất hao phí của TSCĐ = $\frac{\text{Nguyên giá TSCĐ sử dụng b/quân năm}}{\text{Tổng doanh thu năm}}$

ý nghĩa: Chỉ tiêu này cho thấy để có một đồng doanh thu thì cần bỏ vào sản xuất kinh doanh bao nhiêu đồng nguyên giá tài sản cố định.

Chỉ tiêu 3: Sức sinh lợi của tài sản cố định

Công thức tính:

Sức sinh lợi của TSCĐ = $\frac{\text{Lợi nhuận trong năm}}{\text{Nguyên giá TSCĐ sử dụng b/quân năm}}$

ý nghĩa: Chỉ tiêu sức sinh lợi của tài sản cố định cho biết một đồng nguyên giá bình quân TSCĐ sử dụng trong năm đem lại mấy đồng lợi nhuận.

Chỉ tiêu 4: Hiệu quả sử dụng vốn cố định..

Công thức tính:

Hiệu quả sử dụng vốn cố định = $\frac{\text{Tổng doanh thu hoặc lợi nhuận năm}}{\text{Vốn cố định bình quân trong năm}}$

ý nghĩa: Chỉ tiêu này cho thấy để có một đồng doanh thu hoặc lợi nhuận Doanh nghiệp phải bỏ vào sản xuất kinh doanh bao nhiêu đồng vốn cố định.

Sau khi đã tính được các chỉ tiêu nêu trên, người ta tiến hành so sánh chúng giữa các năm với nhau để thấy vốn cố định (hoặc TSCĐ) sử dụng có hiệu quả hay không. Người ta cũng có thể so sánh giữa các Doanh nghiệp trong cùng một ngành, một lĩnh vực để xem xét khả năng cạnh tranh, tình trạng sử dụng và quản lý kinh doanh có hiệu quả hay không.

III-/ NHỮNG NHÂN TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỐ ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP

1-/ Các nhân tố khách quan

1.1 Chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước

Trên cơ sở pháp luật kinh tế và các biện pháp kinh tế, Nhà nước tạo môi trường và hành lang cho các Doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh và hướng các hoạt động đó theo kế hoạch kinh tế vĩ mô. Với bất cứ một sự thay đổi nào trong chế độ chính sách hiện hành đều chi phối các mảng hoạt động của Doanh nghiệp.

Đối với vấn đề hiệu quả sử dụng vốn cố định của Doanh nghiệp thì các văn bản pháp luật về tài chính, kế toán thống kê, về quy chế đầu tư, gây ảnh hưởng lớn trong quá trình kinh doanh, nhất là các quy định về cơ chế giao vốn, đánh giá tài sản cố định, về trích khấu hao, tỷ lệ trích lập các quỹ, cũng như các văn bản về thuế vốn, khuyến khích nhập một số máy móc, thiết bị nhất định đều có thể làm tăng hay giảm hiệu quả sử dụng vốn cố định.

1.2 Tác động của thị trường

Tùy theo mỗi loại thị trường mà Doanh nghiệp tham gia tác động đến hiệu quả sử dụng vốn cố định là phải phục vụ những gì mà thị trường cần căn cứ vào nhu cầu hiện tại và tương lai. sản phẩm cạnh tranh phải có chất lượng cao, giá thành hạ mà điều này chỉ xảy ra khi Doanh nghiệp tích cực nâng cao hàm lượng công nghệ kỹ thuật của tài sản cố định. Điều này đòi hỏi Doanh nghiệp phải có kế hoạch đầu tư cải tạo, đầu tư mới tài sản cố định trước mắt cũng như lâu dài. Nhất là những Doanh nghiệp hoạt động trong môi trường cạnh tranh cao, tốc độ thay đổi công nghệ nhanh như ngành kiến trúc, thiết kế, thi công xây dựng...

Bên cạnh đó, lãi suất tiền vay cũng là một nhân tố ảnh hưởng quan trọng. Lãi suất tiền vay ảnh hưởng đến chi phí đầu tư của Doanh nghiệp. Sự thay đổi lãi suất sẽ kéo theo những biến đổi cơ bản của đầu tư mua sắm thiết bị, tài sản cố định.

1.3. Các nhân tố khác

Các nhân tố này có thể được coi là nhân tố bất khả kháng như thiên tai, dịch họa có tác động trực tiếp lên hiệu quả sử dụng vốn cố định (tài sản cố định) của Doanh nghiệp. Mức độ tổn hại về lâu dài hay tức thời là hoàn toàn không thể biết trước, chỉ có thể dự phòng trước nhằm giảm nhẹ thiên tai mà thôi.

2-/ Các nhân tố chủ quan

Đây là nhân tố chủ yếu quyết định đến hiệu quả sử dụng các tài sản cố định và qua đó ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn cố định của Doanh nghiệp. Nhân tố này gồm nhiều yếu tố cùng tác động trực tiếp đến kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh cả trước mắt cũng như lâu dài. Bởi vậy, việc xem xét đánh giá và ra quyết định đối với các yếu tố này là điều cực kỳ quan trọng. Thông thường người ta thường xem xét những yếu tố sau:

2.1. Ngành nghề kinh doanh của Doanh nghiệp:

Nhân tố này tạo ra điểm xuất phát cho Doanh nghiệp cũng như định hướng cho nó trong suốt quá trình tồn tại. Với một ngành nghề kinh doanh đã được lựa chọn, chủ Doanh nghiệp buộc phải giải quyết những vấn đề đầu tiên về tài chính gồm:

Cơ cấu vốn cố định của Doanh nghiệp thế nào là hợp lý, khả năng tài chính của công ty ra sao.

Cơ cấu tài sản được đầu tư ra sao, mức độ hiện đại hoá nói chung so với các đối thủ cạnh tranh đến đâu.

Nguồn tài trợ cho những tài sản cố định đó được huy động từ đâu, có đảm bảo lâu dài cho sự hoạt động an toàn của Doanh nghiệp hay không.

2.2. Đặc điểm về kỹ thuật sản xuất kinh doanh.

Các đặc điểm riêng về kỹ thuật sản xuất tác động liên tục tới một số chỉ tiêu quan trọng phản ánh hiệu quả sử dụng vốn cố định như hệ số đổi mới máy

móc thiết bị, hệ số sử dụng về thời gian công suất... Nếu kỹ thuật sản xuất giản đơn, Doanh nghiệp chỉ có điều kiện sử dụng máy móc, thiết bị nhưng lại luôn phải đối phó với các đối thủ cạnh tranh với yêu cầu của khách hàng về vấn đề chất lượng. Do vậy, Doanh nghiệp dễ dàng tăng được lợi nhuận trên vốn cố định nhưng khó giữ được chỉ tiêu này lâu dài. Nếu kỹ thuật sản xuất phức tạp, trình độ máy móc thiết bị cao. Doanh nghiệp có lợi thế lớn trong cạnh tranh, song đòi hỏi tay nghề công nhân cao có thể sẽ làm giảm hiệu quả sử dụng vốn cố định.

2.3. Trình độ tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, hạch toán nội bộ Doanh nghiệp.

Để có hiệu quả cao thì bộ máy tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất phải gọn nhẹ, ăn khớp nhịp nhàng với nhau.

Với mỗi phương thức sản xuất và loại hình sản xuất sẽ có tác động khác nhau tới tiến độ sản xuất, phương pháp và quy trình vận hành máy móc, số bộ phận phục vụ sản xuất kinh doanh.

Mặt khác, đặc điểm của Công ty hạch toán, kế toán nội bộ Doanh nghiệp (luôn gắn bó với tính chất của tổ chức sản xuất và quản lý trong cùng Doanh nghiệp) sẽ có tác động không nhỏ. Công tác kế toán đã dùng những công cụ của mình (bảng biểu, khấu hao, thống kê, sổ cái...) để tính toán hiệu quả sử dụng vốn cố định và kế toán phải có nhiệm vụ phát hiện những tồn tại rong quá trình sử dụng vốn và đề xuất những biện pháp giải quyết.

2.4. Trình độ lao động, cơ chế khuyến khích và trách nhiệm vật chất trong Doanh nghiệp

Để phát huy được hết khả năng của dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh đòi hỏi trình độ quản lý và sử dụng máy móc

thiết bị của công nhân cao. Song trình độ của lao động phải được đặt đúng chỗ, đúng lúc, tâm sinh lý...

Để sử dụng tiềm năng lao động có hiệu quả cao nhất Doanh nghiệp phải có một cơ chế khuyến khích vật chất cũng như trách nhiệm một cách công bằng. Ngược lại, nếu cơ chế khuyến khích không công bằng quy định định trách nhiệm không rõ ràng dứt khoát sẽ là cản trở mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

PHẦN III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỐ ĐỊNH

ĐỐI VỚI CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG .

I-/ Hướng phát triển của Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng

Trải qua gần 45 năm hình thành và phát triển, những gì mà Công ty đã đạt được không phải là nhỏ. từ một lực lượng nhỏ bé, lúc đầu chỉ với 40 người. Cán bộ công nhân viên trong Công ty đã kề vai sát cánh bên nhau đưa Công ty giành được vị thế trên thị trường. Tuy vậy, những khó khăn chưa phải đã hết đòi hỏi lãnh đạo Công ty tìm ra mục tiêu, phương hướng kinh doanh làm sao phù hợp với cơ chế thị trường, nhất là khi trong lĩnh vực kinh doanh đã chọn, Công ty phải cạnh tranh với nhiều đơn vị Tư vấn, khảo sát thiết kế Xây dựng, cả các đơn vị trong nước và nước ngoài có tầm cỡ.

Với ý nghĩa đó, hướng phát triển của Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng thời gian tới như sau.

* Về lâu dài: Trên cơ sở phù hợp với chức năng và nhiệm vụ mà Nhà nước và cấp trên giao , Công ty không ngừng nâng cao chất lượng tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình Xây dựng và tăng cường được uy tín đối với khách hàng, Công ty luôn chủ trương coi chất lượng là yếu tố hàng đầu. Mục tiêu và chính sách chất lượng cụ thể của Công ty là:

- Về mục tiêu chất lượng: Trong những năm tới, Công ty phấn đấu đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách nhanh nhất, đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO9001 (hệ thống tiêu chuẩn chất lượng cho các doanh nghiệp đánh giá, kiểm tra, giám sát hoạt động Xây dựng, sản xuất, lắp đặt vv..), với phương châm: “Chất lượng là yếu tố hàng đầu”.

Toàn bộ các hoạt động Tư vấn, khảo sát thiết kế công trình phải có kế hoạch, được tiến hành trong hệ thống chất lượng quốc tế và được chứng minh là đủ mức cần thiết, thoả đáng các yêu cầu về chất lượng công trình. Theo đó:

- + Tạo ra hệ thống thông tin nhanh nhạy, giúp Lãnh đạo nắm bắt vấn đề.
- + Có sự thống nhất trong tập thể cán bộ công nhân viên, thúc đẩy mọi người hiểu rõ mục tiêu và luôn quan tâm đến việc cải tiến, nâng cao chất lượng Tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình.

Công ty phấn đấu tăng tổng sản lượng và lợi nhuận hàng năm từ 15 - 20%.

* Về mục tiêu chủ yếu trước mắt của Công ty năm 2002: à hoàn thành tốt kế hoạch được giao với những mục tiêu định tính chủ yếu sau:

- Doanh thu thực hiện 35 tỷ đồng.
- Tài sản cố định mới đưa vào kinh doanh 1,2 tỷ đồng.
- Lợi nhuận phấn đấu đạt 2,8 tỷ đồng.
- Nộp Ngân sách phấn đấu đạt 2.526.114 nghìn đồng.
- Phấn đấu mức lương trung bình cán bộ công nhân viên đạt 1.700.000 đồng/tháng.

Công ty chủ trương phải luôn xác định rõ nhu cầu của các chủ đầu tư và yêu cầu đối với công trình.

Cung cấp các dữ liệu tin cậy và cần thiết về tiêu chuẩn các công trình Xây dựng dân dụng, công nghiệp kiến trúc và hạ tầng đô thị.

II-/ Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định ở Công ty.

Qua xem xét tình hình sử dụng cũng như hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng những năm vừa qua cho thấy. Mặc dù hoạt động trong điều kiện gặp nhiều khó khăn nhưng do sự cố gắng của tập thể cán

bộ công nhân viên của Công ty trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh nên đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng có lãi và càng được mở rộng, đã đóng góp đáng kể cho Ngân sách Nhà nước, đồng thời đời sống của cán bộ công nhân viên ngày một nâng cao. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được Công ty còn bộc lộ một số vấn đề tồn tại trong quá trình kinh doanh nhất là quá trình sử dụng vốn cố định.

Để góp phần giải quyết một số tồn tại của Công ty nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty, em xin đề xuất một số giải pháp sau:

- 1, Tăng cường công tác mở rộng thị trường là giải pháp cơ bản nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định.
- 2, Tăng cường nguồn vốn tài trợ và đổi mới TSCĐ
- 3, Cải tiến phương pháp khấu hao tài sản cố định.
- 4, Thanh lý bớt một số tài sản đã quá cũ hoặc không còn phù hợp với yêu cầu của quá trình kinh doanh.
- 5, Tổ chức hoàn thiện công tác kế toán.
- 6, coi trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao trình độ sử dụng và quản lý tài sản cố định.

GIẢI PHÁP 1

Tăng cường công tác mở rộng thị trường là giải pháp cơ bản nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định.

Nước ta mới qua hơn chục năm phát triển theo cơ chế thị trường nhưng công tác tiếp cận, mở rộng thị trường đã trở thành công cụ đắc lực cho các nhà kinh doanh. Hiện nay ở hầu hết các Doanh nghiệp dù ít hay nhiều cũng đã chú

ý đến công tác tiếp cận, mở rộng thị trường. Công tác tiếp cận, mở rộng thị trường tạo ra chất lượng, hiệu quả, giá cả và sự phục vụ phù hợp với yêu cầu của thị trường.

Công ty TVĐT&XD có thị trường là tư vấn xây dựng nên sử dụng thế mạnh của Công ty mình mở rộng thị trường. Do đó Công ty phải gây được uy tín đối với khách hàng là các chủ đầu tư công trình so với các Doanh nghiệp cạnh tranh khác cùng hoạt động tư vấn, thiết kế xây dựng. Qua đó tạo được lợi thế cho mình khi được chọn thực hiện tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình xây dựng. Có công trình để thi công, tài sản máy móc thiết bị mới được sử dụng triệt để, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn cố định. Mặc dù bộ phận phát triển kinh doanh đã có song vẫn chưa thực sự thực hiện được chức năng theo đúng nghĩa của nó. (Công tác tiếp cận và mở rộng thị trường trong lĩnh vực tư vấn thiết kế xây dựng thực ra cho đến nay vẫn chưa định hình một cách cụ thể ở bất kỳ Doanh nghiệp nào ở nước ta). Các Doanh nghiệp thường tùy theo nhận thức của mình mà tổ chức hoạt động tiếp cận, mở rộng thị trường.

Theo em, để tiếp cận và mở rộng thị trường một cách có hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty thì phải tiến hành như sau:

Thứ nhất, mở thêm các chi nhánh, văn phòng đại diện ở các địa bàn quan trọng. Vì thị trường các công trình xây dựng, công nghiệp và kỹ thuật hạ tầng đô thị ngày càng tăng nên Công ty cần thiết phải mở rộng địa bàn hoạt động. Công ty có thể đặt thêm chi nhánh ở các tỉnh thành phố phía nam và mở văn phòng đại diện ở địa bàn các tỉnh phía bắc (gần trụ sở Công ty). Việc này được thực hiện sẽ tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận, nắm bắt thông tin về các công trình xây dựng ở các tỉnh thành phố để từ đó có kế hoạch cụ thể để thực hiện TVTK công trình.

Thứ hai, phòng phát triển kinh doanh cần được bổ sung thêm nhân viên để tiến hành tìm kiếm thông tin về thị trường, tìm kiếm các nguồn tin về chủ đầu tư. Việc thực hiện tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình ở nơi nào đó thì phải yêu cầu các chất lượng công trình mà các chủ đầu tư đặt ra cũng như cung cấp các thông tin về tiềm năng của Công ty trong tư vấn thiết kế công trình để khách hàng quyết định lựa chọn.

Phòng phát triển kinh doanh còn có nhiệm vụ thu nhập thông tin về khả năng và hạn chế của các đối thủ cạnh tranh. Nắm được khả năng và hạn chế của họ trên các phương diện trình độ CM của cán bộ nhân viên kỹ thuật, tiềm lực về vốn, về máy móc thiết bị v.v.. để từ đó có kế hoạch phù hợp phát triển kinh doanh. (Vì hiện nay chỉ riêng địa bàn 2 TP lớn là HN và TP HCM có nhiều Doanh nghiệp cùng hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình xây dựng trong đó một số đối thủ có nguồn lực mạnh hơn Công ty.

Việc thu thập nắm bắt được thông tin về các đối thủ cạnh tranh của Công ty tiến hành trên các phương diện:

Xem xét khả năng về trình độ CM của nhân viên kỹ thuật.

Xem xét khả năng về máy móc thiết bị của họ ra sao.

Cách thức tổ chức tư vấn, khảo sát, tư vấn công trình của họ như thế nào để từ đó xác định chất lượng, giá cả mà họ thực hiện.

Phòng phát triển kinh doanh còn phải dự báo sự phát triển và mọi biến động của thị trường để bắt cứ công trình ở đâu và vào thời điểm nào Công ty cũng có thể kịp thời điều chuyển cán bộ, chuyên viên kỹ thuật cũng như máy móc thiết bị đáp ứng được yêu cầu khẩn trương nhất của chủ đầu tư.

Tiếp cận và mở rộng thị trường tư vấn, thiết kế công trình xây dựng tài sản, máy móc thiết bị của Công ty hoạt động một cách liên tục có hiệu quả và qua đó nâng cao được hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty.

GIẢI PHÁP 2

Tăng cường việc đầu tư đổi mới, bổ sung và tìm nguồn tài trợ cho TSCĐ

Trong các Doanh nghiệp sự nhạy cảm trong việc đầu tư đổi mới, bổ sung tài sản cố định là nhân tố quan trọng để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định thông qua giảm chi phí sửa chữa, tăng năng suất lao động... mặt khác nó cũng giải phóng lao động thủ công đảm bảo an toàn cho người lao động. Do đó Công ty cần thường xuyên đổi mới thay thế các TSCĐ đã quá cũ, hư hỏng đặc biệt là phần máy móc thiết bị văn phòng bởi vì chúng có độ hao mòn cao. Việc thay thế đổi mới phần máy móc thiết bị KS và kiểm tra chất lượng công trình và thiết bị văn phòng có thể tiến hành cho mỗi loại máy móc thiết bị khi chúng được khấu hao hết giá trị và phải đánh giá được tốc độ phát triển của các công trình xây dựng qua đó xác định mức độ khấu hao.

Để đáp ứng yêu cầu tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình xây dựng trong thời gian tới Công ty cần tăng cường đầu tư cho các máy móc thiết bị mới có tính tăng, tác dụng cao đáp ứng được đòi hỏi cao về chất lượng, đúng về tiến độ thi công của chủ đầu tư. Đặc biệt là máy móc thiết bị dùng để khảo sát, đánh giá chất lượng công trình vì hiện nay phần máy móc thiết bị này được trang bị chưa thoả đáng, chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá trị tài sản của Công ty.

Công ty cũng nên bổ sung thêm máy móc thiết bị (cả phần máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp đánh giá, khảo sát, thiết kế công trình cũng như máy móc thiết bị văn phòng) cho chi nhánh Công ty tại TP HCM. Vì hiện nay máy móc thiết bị của chi nhánh còn thiếu chưa thực sự đáp ứng được tốc độ xây dựng các công trình cao của khu vực này.

Về công tác tìm kiếm nguồn tài trợ cho đầu tư, đổi mới TSCĐ: Để có thể đầu tư mua sắm thay thế TSCĐ máy móc thiết bị cần thiết phải có nguồn vốn tài trợ cho hoạt động này. Hiện nay vốn tài trợ cho TSCĐ của Công ty gồm: vốn Ngân sách cấp, vốn tự bổ sung và vốn khác. Trong đó phần vốn Ngân sách cấp chủ yếu là nhà cửa vật kiến trúc với nguyên giá 1.085.027 nghìn đồng chiếm 22,8 % tổng giá trị vốn cố định của Công ty. Thực chất đây là số tài sản không trực tiếp tham gia vào sử dụng kinh doanh của Công ty. Từ năm 1996 theo quy định của Bộ Tài chính Công ty cũng không được phép tính khấu hao phần tài sản này. Để đáp ứng được yêu cầu đầu tư cho TSCĐ, máy móc thiết bị trong thời gian tới Công ty cần thực hiện các việc sau:

Hàng năm ngoài số vốn Công ty tự bổ sung hàng năm, Công ty cần tích cực huy động như vay vốn tín dụng, dù phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định nhưng đây là biện pháp duy nhất đáp ứng được nhu cầu trang bị TSCĐ, máy móc thiết bị cho Công ty trong điều kiện nguồn vốn Ngân sách cấp có hạn và nguồn vốn này lại không trực tiếp tham gia và sản xuất kinh doanh.

Đối với phần TSCĐ là nhà cửa, vật kiến trúc không trực tiếp vào sản xuất kinh doanh, Công ty cần phân định riêng phần giá trị tài sản này.

GIẢI PHÁP 3

Cải tiến phương pháp khấu hao tài sản cố định cố định

Như ta đã biết, khấu hao cơ bản là một trong những nội dung quan trọng của quản lý và sử dụng vốn cố định. Việc trích khấu hao hợp lý sẽ đảm bảo cho việc thực hiện tái đầu tư tài sản cố định được thông suốt.

Trong những năm qua, Công ty đã thực hiện trích khấu hao cơ bản theo tỷ lệ quy định của Nhà nước (Với 16,7% với máy móc thiết bị, 10% đối với phương tiện vận tải và 20% đối với thiết bị văn phòng). Với tỷ lệ khấu hao

này, Công ty sẽ gặp khó khăn trong trích khấu hao tài sản cố định ở những năm cuối do năng lực sản xuất tài sản cố định giảm dần theo quá trình hoạt động. Việc này cũng làm giảm tốc độ thu hồi vốn để tái đầu tư, đổi mới tài sản cố định.

Điều này không thích hợp, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, có nhiều loại máy móc thiết bị văn phòng mới ra đời làm giá cả biến động mạnh, tài sản cố định dễ bị hao mòn vô hình. Do đó để đảm bảo có quỹ khấu hao thực hiện tái đầu tư tài sản cố định nhanh chóng đổi mới máy móc thiết bị tin học, đưa kỹ thuật mới vào sản xuất thì trong công tác khấu hao tài sản cố định cần tính đến các yếu tố như: sự phát triển của khấu hao kỹ thuật, giá cả biến động.

Trong phần này, em xin đưa ra một phương pháp khấu hao mới cho Công ty, đó là phương pháp khấu hao nhanh theo tỷ lệ giảm dần.

3.1. Cơ sở của phương pháp.

Phương pháp trích khấu hao theo tỷ lệ giảm dần dựa trên các cơ sở khấu hao kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, tài sản cố định dễ bị hao mòn vô hình. Để hạn chế hao mòn vô hình trong thời gian sử dụng, đòi hỏi phải khấu hao nhanh (trên cơ sở tận dụng tối đa công suất máy móc thiết bị) nhanh chóng thu hồi vốn nhanh để đổi mới trang thiết bị, ứng dụng kỹ thuật mới vào sản xuất.

Trên thị trường, giá cả luôn biến động và tài sản của Công ty cũng chịu sự biến động này, đây chính là nguyên nhân làm giảm giá trị của tài sản cố định. Do vậy hạn chế ảnh hưởng của biến động giá cả trên thị trường tới tài sản cố định công ty đang sử dụng, cần tiến hành khấu hao nhanh để bảo toàn vốn, đồng thời phù hợp với thực tế công suất làm việc của các thiết bị tin học giảm dần theo thời gian sử dụng.

áp dụng phương pháp khấu hao này, trong những năm đầu, giá trị khấu hao sẽ cao hơn có thể làm cho lợi nhuận của Công ty suy giảm. Song với sự linh động của mình, Công ty có thể sử dụng quỹ khấu hao vào các mục đích trong hoạt động tái đầu tư đổi mới tài sản cố định, hạn chế tổn thất do hao mòn vô hình gây ra tiết kiệm chi phí tiền vay trong CK KD, quay vòng vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

3.2. Nội dung phương pháp.

Theo phương pháp này, việc tính khấu hao hàng năm dựa vào tỷ lệ khấu hao lũy thoái giảm dần với nguyên giá của tài sản cố định.

Tỷ lệ khấu hao giảm dần được xác định theo công thức sau:

$$TKT = \frac{1}{T} \left(2 \times (T - t + 1) + T \times (T + 1) \right)$$

Trong đó:

TKT : là tỷ lệ khấu hao năm thứ t

T : là tổng thời gian hoạt động của máy móc thiết bị.

t : là năm tính khấu hao (t = 1 đến T)

Trên cơ sở đáp ứng yêu cầu vừa đảm bảo lợi ích của Công ty, vừa đảm bảo lợi ích của Nhà nước, tỷ lệ khấu hao lũy thoái hàng năm cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

Phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

Phải tương xứng với khả năng bù đắp của doanh thu (sản xuất kinh doanh không được lỗ).

Thời gian sử dụng tài sản cố định vẫn phải đảm bảo theo quy định hiện hành.

Ví dụ: Một máy có nguyên giá là 42 triệu đồng, thời gian sử dụng là 6 năm, áp dụng công thức trên ta có tỷ lệ trích và mức trích khấu hao trong 6 năm sử dụng như sau:

Năm thứ nhất : T = 6, t = 1 thay vào công thức ta có:

$$TK1 = \frac{2 \times (6 - 1 + 1); 6 \times (6 + 1)}{(6; 21)} = \frac{12; 42}{(6; 21)}$$

Năm thứ hai: T = 6, t = 2, thay vào công thức ta có:

$$TK1 = \frac{2 \times (6 - 2 + 1); 6 \times (6 + 1)}{(5; 21)} = \frac{10; 42}{(5; 21)}$$

Tính tương tự cho các năm còn lại ta thu được kết quả sau:

Năm	trích_1_2_3_4_5_6	Tổng	Tỷ lệ	khấu hao			
6/21	5/21	4/21	3/21	2/21	1/21	21/21	Mức

trích_12_10_8_6_4_2_42__Do việc mua sắm tài sản cố định của Công ty tại các thời điểm là khác nhau nên Công ty cần áp dụng phương pháp này cho từng loại tài sản cố định hoặc tài sản cố định mua cùng đợt có chức năng giống nhau.

Trong phạm vi chuyên đề, em xin áp dụng phương pháp trên để trích khấu hao cho các thiết bị văn phòng tại Công ty. Các thiết bị này đưa vào sử dụng năm 2001, có thời gian sử dụng là 4 năm, nguyên giá là 1671023 nghìn đồng. Tương tự ví dụ trên ta tính được tỷ lệ trích và mức trích như sau

Năm	trích_1_2_3_4	Tổng	Tỷ lệ	khấu hao	
4/10	3/10	2/10	1/10	10/10	Mức

trích_668.409_501.307_334.205_167.102_1.671.023_Nếu theo cách tính khấu hao của Công ty đang áp dụng, với tỷ lệ quy định là 20% thì mức trích hàng năm là 334.205 nghìn đồng và phải sau 5 năm mới thu hồi đủ vốn đầu tư ban đầu. Với phương pháp tính mới, chỉ sau 4 năm sử dụng Công ty có thể thu hồi vốn đầu tư ban đầu cho số thiết bị văn phòng nói trên. Điều này hạn chế được hao mòn vô hình và sự tác động của giá cả biến động tới vốn cố định làm giảm vốn.

Chênh lệch về mức trích khấu hao theo phương pháp tính mới với thực tế trích của Công ty lên tới:

$$668.409 - 334.205 = 334.205 \text{ nghìn đồng}$$

Mức chênh lệch này làm tăng chi phí khấu hao trong giá thành song Công ty sẽ có điều kiện đổi mới, cải thiện thiết bị công nghệ và lại chi phí cao chỉ trong những năm đầu còn sau đó sẽ tạo thuận lợi rất lớn cho đầu tư vì chi phí khấu hao giảm rất nhanh.

Như vậy khi phương pháp khấu hao lũy thoái đối với phần thiết bị văn phòng tại Công ty được thực hiện sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định. Vừa tuân thủ được các nguyên tắc nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty nói riêng và lợi ích của Nhà nước nói chung, vừa phát huy được những ưu điểm của phương pháp này đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

GIẢI PHÁP 4

Thanh lý bớt một số tài sản đã quá cũ hoặc

không còn phù hợp với yêu cầu của quá trình kinh doanh.

Trong nguồn lực tài sản cố định của Công ty, ngoài những tài sản mà Công ty đầu tư, mua sắm trong những năm gần đây bằng các nguồn vốn mà Công ty huy động còn có những tài sản đã quá cũ mà Công ty được Nhà nước trang bị trong những ngày đầu thành lập. Những tài sản này đã không còn phù hợp với tốc độ sản xuất hiện nay, tiêu biểu ở Công ty là một máy phát điện Honda và một máy photocopy với tổng giá trị còn lại là 18.915 nghìn đồng. Tuy những tài sản này chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng số vốn cố định nhưng chúng vẫn gây ra tình trạng ứ đọng vốn.

Xử lý nhanh những tài sản đã quá cũ là một trong các biện pháp quan trọng nhằm giải quyết tình trạng ứ đọng vốn, tăng hiệu quả sử dụng vốn cố định nói riêng và hiệu quả sử dụng vốn sản xuất kinh doanh nói chung bởi đối với những tài sản đã quá cũ thì chi phí thường rất ca, trong đó chưa kể tới chi phí duy trì, bảo dưỡng. Điều này dẫn đến lợi nhuận bị giảm sút, làm giảm khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

Đối những máy móc thiết bị đã quá cũ, việc không đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất cũng là vấn đề đặt ra. Ngoài ra sự bảo đảm hoạt động thường xuyên của máy móc thiết bị cũng không ổn định sẽ làm cho quá trình sản xuất kinh doanh bị gián đoạn, gây khó khăn cho Công ty.

Tuy nhiên, trong số các tài sản cần thanh lý, có tài sản thuộc phần vốn Ngân sách cấp trước đây, Công ty không có quyền chủ động trong việc thanh lý bộ phận tài sản này.

Để tiến hành thanh lý nhanh bộ phận tài sản này, Công ty phải tiến hành các hoạt động sau:

Thứ nhất, Công ty làm đơn trình cấp chủ quản về việc đứng ra thanh lý tài sản cố định này. Sau 30 ngày nếu có sự đồng ý của cấp trên mới có quyền đứng ra thanh lý.

Thứ hai, trong thời gian chờ sự đồng ý cho phép thanh lý của cấp trên Công ty cần sửa chữa lại tài sản này. Muốn vậy khâu kỹ thuật cần kiểm tra đánh giá để tìm ra những hỏng hóc của máy sau đó ước tính chi phí sửa chữa và trình lên Công ty để kịp thời lập nguồn vốn kinh phí tiến hành hoạt động sửa chữa.

Thứ ba, để hoạt động thay lý tiến hành được nhanh chóng, Công ty phải cùng cơ quan chủ quản cấp trên thảo luận để có quy định cụ thể về phần trăm để lại cho Công ty một cách hợp lý, phù hợp với giá trị bán thanh lý tài sản cố định. Phần tiền này không những bù đắp được toàn bộ chi phí hoạt động thanh lý

mà còn phục vụ đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, giảm nhu cầu vốn phải chịu lãi suất.

Thứ tư, sau khi cấp trên cho phép thanh lý bộ phận tài sản cố định này Công ty tiến hành thanh lý. Công ty phải tìm được đối tượng có nhu cầu mua, đây là công việc không ít khó khăn. Vì vậy Công ty cần phải quảng cáo qua các phương tiện thông tin.

Thứ năm, sau khi xác định được đối tượng cần mua bộ phận tài sản thay lý này Công ty tiếp tục thảo luận với khách hàng để xác định số lượng mua là bao nhiêu, giá cả thế nào cho hợp lý. ở đây, giá bán phải phản ánh đúng thực chất giá trị tài sản cố định đó sau khi được sửa chữa và đánh giá lại tính năng, tác dụng.

Số lãi do hoạt động thanh lý này đem lại sẽ phục vụ cho đầu tư đổi mới thiết bị, đồng thời giải quyết ứ đọng vốn cố định góp phần tăng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn này.

GIẢI PHÁP 5

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán

Kế toán là khoa học, là nghệ thuật quan sát ghi chép, phân tích tổng hợp hoạt động của Doanh nghiệp và trình bày kết quả đó nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra các quyết định kinh tế, chính trị, xã hội cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động của một tổ chức.

Xuất phát từ vai trò của công tác kế toán, đòi hỏi phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán. Công tác hạch toán kế toán được hoàn thiện sẽ giúp cho Doanh nghiệp quản lý và sử dụng một cách có hiệu quả vốn cố định trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nhưng vốn cố định chính là biểu hiện bằng tiền của tài sản cố định, máy móc thiết bị cho nên

hoàn thiện công tác hạch toán kế toán trong vấn đề mua sắm, theo dõi, nhượng bán, thanh lý tài sản máy móc thiết bị sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định.

Công ty Tư vấn đầu tư và xây dựng được thành tựu trong sản xuất kinh doanh và trong sử dụng nguồn vốn cố định, một phần quan trọng là sự đóng góp của công tác hạch toán kế toán không ngừng được củng cố. Trong thời gian tới để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định cần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán tập trung ở vấn đề sau:

Về sổ sách kế toán: Công ty nên mở thêm sổ theo dõi tài sản cố định cho từng đơn vị, từng bộ phận sử dụng để hàng tháng, kế toán trích khấu hao tài sản cố định chính xác. Đồng thời Công ty cũng nên tiến hành đánh mã số cho từng tài sản cố định để kế toán theo dõi, đánh giá kịp thời tình hình sử dụng tài sản, máy móc thiết bị ở các đơn vị một cách đầy đủ hơn cả về giá trị và hiện vật.

Hàng năm, theo kế hoạch chi tiết cho việc sửa chữa lớn tài sản cố định, kế toán cần thực hiện việc trích trước hoặc phân bổ dần chi phí sửa chữa lớn, có kế hoạch bảo dưỡng, thay thế từng chi tiết, bộ phận tài sản cố định và cũng để kéo dài tuổi thọ và nâng cao hiệu quả sử dụng của chúng.

Việc điều chuyển tài sản cố định trong nội bộ Công ty do Văn phòng tổng hợp điều hành và lập phiếu điều chuyển. Phiếu điều chuyển lập thành 3 bản. Kế toán cần căn cứ vào phiếu điều chuyển này để điều chỉnh số theo dõi tài sản, máy móc cho các đơn vị.

Công ty nói chung và đặc biệt là phòng Tài chính kế toán cần tăng cường hơn nữa việc ứng dụng tin học hoá vào hoạt động hạch toán kinh tế nhằm chính xác hoá số liệu, giảm nhẹ các chi phí sổ sách và các chi phí khác kèm theo trong quá trình hạch toán theo phương pháp thủ công.

Do tài sản cố định biểu hiện về mặt hiện vật vốn cố định của Công ty chiếm phần lớn trong tổng vốn kinh doanh cho nên kế toán tài chính qua theo dõi hạch toán tăng giảm, trang bị và tình hình sử dụng tài sản, máy móc thiết bị cần thường xuyên phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định, máy móc thiết bị để lãnh đạo Công ty nắm được tình hình sử dụng nguồn vốn cố định từ đó có kế hoạch phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn này. Để đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định, có thể sử dụng các chỉ tiêu sau:

a) Chỉ tiêu sức sản xuất của TSCĐ (I)

$$I = \frac{\text{Doanh thu năm}}{\text{Nguyên giá TSCĐ sử dụng b/quân năm}}$$

b) Chỉ tiêu sức sinh lợi của TSCĐ (R)

$$R = \frac{\text{Lợi nhuận trong năm}}{\text{Nguyên giá TSCĐ sử dụng b/quân năm}}$$

c) Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn cố định.

$$\text{Hiệu quả sử dụng VCD} = \frac{\text{Giá trị tổng sản lượng ((doanh thu); Vốn cố định bình quân)}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$$

GIẢI PHÁP 6

Coi trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao trình độ sử dụng và quản lý tài sản cố định.

Lao động là một nhân tố cực kỳ quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và sử dụng vốn cố định nói riêng và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp nói chung. Trong thực tế khi tài sản cố định máy móc thiết bị càng tiên tiến thì người lao động phải được đào tạo cẩn thận qua trường lớp để họ có thể sử dụng và quản lý chúng có hiệu quả. Các Doanh nghiệp cũng cần có biện pháp nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ lao động và triệt để khai thác nguồn lực này.

Được đào tạo, bồi dưỡng trình độ người lao động sẽ nắm vững được lý thuyết cũng như thực tế ứng dụng trong sử dụng tài sản cố định máy móc thiết bị. Đồng thời họ cũng có ý thức nghiêm túc trong lao động, chấp hành tốt các quy định nội quy của Doanh nghiệp và thực hiện nghiêm chỉnh các quy phạm trong sản xuất.

Để nâng cao chất lượng lao động thì:

Lao động phải qua sử dụng và có tiêu chuẩn chặt chẽ.

Học nghề nào làm nghề đó.

Hàng năm Doanh nghiệp phải tạo điều kiện cho người lao động được bổ túc, đào tạo thêm chuyên môn, tay nghề đáp ứng yêu cầu công việc.

Thời gian qua theo phân tích (ở biểu số 2) thấy trình độ cán bộ công nhân viên của Công ty TVĐT&XD là cao nhưng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu về chất lượng công việc. Đặc điểm ngành nghề mà Công ty đảm nhận đòi hỏi đội ngũ lao động phải nhanh nhẹn, có trình độ chuyên môn cao, đồng thời có thể thực hiện tư vấn, khảo sát, thiết kế những công trình trên địa bàn rộng khắp cả nước. Để phát triển kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định trong thời gian tới, Công ty cần thực hiện như sau:

Trong việc tuyển dụng bổ sung cán bộ, nhân viên mới, Công ty cần có chính sách tuyển dụng hợp lý. Theo đó chỉ tuyển dụng những người đã được đào tạo đúng chuyên môn kinh tế kỹ thuật vào làm việc, tuyệt đối không tiếp nhận những đối tượng không đúng chuyên môn nghiệp vụ.

Trong quá trình kinh doanh của mình, Công ty cần phát hiện và mạnh dạn đề bạt những người có năng lực vào những vị trí phù hợp nhằm phát huy được tài năng kiến thức trên cơ sở đúng người, đúng việc để họ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Công ty cần tăng cường việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên (kể cả đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên chuyên môn kỹ thuật) qua đó nâng cao trình độ quản lý, sử dụng vốn cố định, tài sản, máy móc thiết bị cũng như củng cố chất lượng tư vấn, thiết kế khảo sát công trình xây dựng theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 đã đặt ra và nâng cao khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực mà Công ty đảm nhận với các Doanh nghiệp trong nước và các nước khu vực.

Với đội ngũ cán bộ quản lý: Công ty có thể tổ chức những khoá học ngắn hạn, hoặc cử người đi học bằng mọi hình thức (kể cả nước ngoài) để họ có thể tiếp cận với trình độ quản lý tiên tiến, có biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty, đáp ứng được sự biến đổi ngày càng cao của nền kinh tế thị trường.

Với đội ngũ chuyên môn kỹ thuật: những người trực tiếp sử dụng các thiết bị chuyên dụng, máy móc khảo sát đo đạc, thiết bị văn phòng trước yêu cầu mở rộng kinh doanh trong những năm tới, Công ty cần tuyển dụng hoặc cử đi học thêm ở các trường kiến trúc, xây dựng để họ sáng tạo ra những mẫu kiến trúc, nâng cao khả năng khảo sát tư vấn công trình. Công ty cũng nên tổ chức các buổi giới thiệu về kỹ thuật mới trong lĩnh vực tư vấn thiết kế xây dựng, huấn luyện sử dụng máy móc thiết bị đúng quy trình kỹ thuật cho đội ngũ chuyên môn kỹ thuật đồng thời bố trí những lao động giỏi kèm cặp hướng dẫn lao động còn yếu kém, mới tuyển dụng để họ có thể thích nghi nhanh với các máy móc thiết bị và sử dụng chúng có hiệu quả cao nhất. Kinh phí phục vụ cho các hoạt động này có thể lấy từ quỹ khuyến khích phát triển kinh doanh.

Bên cạnh việc tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ công nhân viên tự học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nhất là trình độ quản lý sử dụng vốn cố định, tài sản máy móc thiết bị, Công ty nên có chính sách tăng lương cho

cán bộ, nhân viên chịu khó học hỏi nâng cao trình độ cũng như khen thưởng xứng đáng những người có ý thức trong việc bảo quản và có sáng kiến tiết kiệm trong sử dụng tài sản máy móc thiết bị làm lợi cho tập thể đồng thời xử phạt nghiêm minh người nào thiếu ý thức trách nhiệm làm hư hỏng mất mát tài sản, máy móc của Công ty.

KẾT LUẬN

Vốn cố định là một bộ phận chủ yếu của vốn kinh doanh. Nó phản ánh khả năng trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của Doanh nghiệp cũng như khả năng tiếp cận trình độ tiên bộ khoa học kỹ thuật. Thông qua hình thái vật chất là tài sản cố định, vốn cố định đem lại những điều kiện cần thiết để tiết kiệm sức lao động và nâng cao năng suất lao động trong Doanh nghiệp.

Công ty TVĐT&XD trong thời gian đầu của quá trình chuyển đổi cơ chế Công ty đã gặp không ít khó khăn tưởng chừng như không vượt qua khỏi. Nhưng nhờ sự năng động và nhạy bén của đội ngũ lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên mà Công ty đã đứng vững, từng bước đi lên, tạo lập và không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của mình.

Mặc dầu vậy, vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định ngày càng có những khó khăn. Việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty trong giai đoạn hiện này là một điều cần thiết.

Chuyên đề thực tập "Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty TVĐT&XD" là kết quả của quá trình tìm hiểu, nghiên cứu về thực trạng sử dụng vốn cố định của Công ty. Với khả năng của một sinh viên mới qua quá trình thực tập, em hy vọng rằng các giải pháp dù rằng không nhiều song có thể có ích cho việc đề ra chiến lược của Công ty trong thời gian tới.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn:

Thầy giáo, Tiên sĩ Đỗ Hoàng Toàn

Ban giám đốc và toàn thể công nhân viên của Công ty TVĐT&XD đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành chuyên đề này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

□ **Dương Đăng Chinh**

Lý thuyết tài chính.

8 Đỗ Thị Phương

Tài chính doanh nghiệp thực hành

□ **Ngô Trần ánh**

Kinh tế và quản trị kinh doanh

□ **Nguyễn Ngọc Hùng**

Lý thuyết tài chính tiền tệ

8 Đặng Kim Cương

Phạm Văn Được

Phân tích kinh doanh

8 Nguyễn Hải Sản

Quản Trị doanh nghiệp

8 Đàm Văn Huệ

Vũ Duy Hòa

Nguyễn Quang Ninh

Quản trị tài chính doanh nghiệp

*** Văn bản quy định, Nghị định**

Quyết định số 66/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

*** Tài liệu của Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng**

Báo cáo Tài chính năm 2001.

Bảng tổng hợp TSCĐ 2001.

Báo cáo tổng hợp 1999, 2000, 2001.
Một số tài liệu khác.

